

CHUẨN ĐẦU RA

NGÀNH: Luật kinh tế

MÃ NGÀNH: 8380107

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1164 QĐ-NTT ngày 3 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Anh: Economic Law
- Tên tiếng Việt: Luật Kinh tế

2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

3. Định hướng đào tạo: ☒ Nghiên cứu ☐ Ứng dụng

4. Khóa học áp dụng: 2024

5. Thời gian đào tạo: 24 tháng

6. Tổng số tín chỉ/ khoá: 60 tín chỉ

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

Sau khi tốt nghiệp, học viên tốt nghiệp có thể:

PEO1: Tổng hợp được kiến thức chuyên sâu về lý luận nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên ngành về pháp luật kinh doanh, thương mại, lao động và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh hiện nay.

PEO2: Vận dụng được các kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn vào việc phân tích, tư vấn, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế hoạt động kinh doanh, thương mại và góp phần bảo vệ lợi ích nhà nước và xã hội.

PEO3: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, có khả năng học tiếp các CTĐT Luật Kinh tế ở bậc cao hơn để hoạt động trong lĩnh vực pháp luật.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Thạc sĩ Luật Kinh tế

Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:

Kiến thức

PLO1	K1	Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu chung về các nguyên lý, học thuyết cơ bản về triết học, phương pháp nghiên cứu luật học, nhà nước và pháp luật Việt Nam, quyền con người trong lĩnh vực kinh doanh.
PLO2	K2	Phân tích được các kiến thức lý luận liên ngành về pháp luật kinh tế và lý thuyết pháp lý chuyên sâu phù hợp trong lĩnh vực kinh doanh.
PLO3	K3	Vận dụng các kiến thức pháp luật để giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn phát sinh thuộc lĩnh vực kinh tế trong hoạt động nghề nghiệp.

Kỹ năng

PLO 4	S1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật phục vụ cho nghề nghiệp và đời sống.
PLO 5	S2	Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh vào hoạt động nghề nghiệp.
PLO 6	S3	Nghiên cứu phát triển và sử dụng tri thức khoa học pháp luật kinh doanh một cách sáng tạo trong môi trường hành nghề pháp luật.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO7	A1	Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, đấu tranh và tuyên truyền chống các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội nhằm bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích cộng đồng và lợi ích chính đáng của người khác.
PLO 8	A2	Khả năng tự nghiên cứu, tự định hướng trong hoạt động nghề nghiệp và có năng lực đổi mới sáng tạo phù hợp với yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Bảng tổng hợp số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT

	PLO₁	PLO₂	PLO₃	PLO₄	PLO₅	PLO₆	PLO₇	PLO₈
--	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

	K1	K2	K3	S1	S2	S3	A1	A2
Số lượng môn học đáp ứng chuẩn đầu ra (Ghi liệt kê số lượng học phần)	7	15	17	14	13	20	9	22

3. Các năng lực nghề nghiệp/Năng lực cốt lõi của học viên tốt nghiệp (theo năng lực DACUM)

Học viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có năng lực:

C1: Phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực luật kinh tế.

C2: Tư duy và phản biện khoa học.

C3: Phân tích, đánh giá, lựa chọn giải pháp giải quyết vấn đề pháp lý với tư cách chuyên gia trong lĩnh vực luật kinh tế.

Ma trận kết nối các CĐR của CTĐT và các năng lực chính yếu của HVTN

TT	CHUẨN ĐẦU RA	CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA HVTN		
		C.1	C.2	C.3
K	KIẾN THỨC			
	K.1	✓		
	K.2			✓
	K.3			✓
S	KỸ NĂNG			
	S.1	✓		
	S.2			✓
	S.3		✓	✓
A	NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
	A.1	✓		
	A.2		✓	

4. Đối sánh Chuẩn đầu ra với khung trình độ quốc gia

PLO	Kiến thức			Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	S1	S2	S3	S4	A1	A2	A3	A4
PLO1	✓										
PLO2		✓	✓								
PLO3		✓	✓								

PLO4				✓							
PLO5						✓	✓				
PLO6					✓						
PLO7								✓		✓	
PLO8									✓		✓

Khung trình độ quốc gia

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
K1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo K2: Kiến thức chuyên ngành đào tạo, liên ngành có liên quan. K3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	S1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. S2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. S3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. S4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	A1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. A2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. A3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. A4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với các trường trong và ngoài nước

CĐR CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CĐR CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường ĐH Văn Lang	CĐR CTĐT ngành Luật kinh tế của ĐH Kinh tế - Luật TP HCM	CĐR CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường ĐH Hamburg, Đức	CĐR CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Tây Anh Quốc	Nhận xét
Về kiến thức: 1. Tổng hợp được <u>các kiến thức chung về khoa học xã hội và pháp luật</u> về lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật, quyền con người trong lĩnh vực kinh doanh một cách đầy đủ. 2. Áp dụng được <u>các kiến thức pháp lý chuyên sâu</u> phù hợp	Về kiến thức: 1. Người học biết, nắm vững các <u>kiến thức cơ bản về triết học, khoa học pháp lý</u> làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành về pháp luật; 2. Người học có <u>kiến thức</u> nâng cao và bước đầu tiếp cận theo hướng <u>chuyên sâu về các lĩnh vực</u>	<i>Phẩm chất về trí tuệ, kiến thức (Intellectual Attributes):</i> <i>Suy nghĩ độc lập:</i> Có năng lực sáng tạo, năng lực phản biện ở mức độ nhất định. <i>Phân tích và đánh giá:</i> <u>Có năng lực</u>	Students will learn: (1) the precise <u>meaning of economic concepts used in different fields of law;</u> (2) <u>the economic interpretation of legal concepts in various fields of law;</u> (3) the economic methods to	<i>A) Knowledge and understanding of:</i> Complex and specialised areas of international trade and <u>economic law</u>, often working at the current limits of understanding of <u>legal principles underpinning</u> this field of study.	Các chuẩn đầu ra về kiến thức tương đối giống với chuẩn đầu ra của Trường ĐH Văn Lang và ĐH Kinh tế - Luật TPHCM. Đối với các Trường ĐH nước ngoài, CĐR về kiến thức cũng có những điểm tương đồng với những yêu cầu về các kiến thức

trong lĩnh vực kinh doanh về pháp luật đầu tư, cạnh tranh, hợp đồng, <u>giải quyết tranh chấp</u> kinh doanh, thương mại; pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường. 3. Kết hợp được những kiến thức pháp luật <u>vào thực tiễn hoạt động</u> thương mại, lao động và an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.	<u>pháp luật thuộc các chuyên ngành</u> đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế theo định hướng ứng dụng; 3. Người học đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc tương đương) để có thể sử dụng trong công tác chuyên môn và các hoạt động thực hành pháp luật. 4. Người học có trình độ công nghệ thông tin căn bản để phục vụ hoạt động	<u>phân tích các vấn đề pháp luật</u>, có năng lực đánh giá các lựa chọn và giải pháp cũng như các quan điểm khác nhau, để lựa chọn và thực hiện các quyết định đã chọn <i>Kỹ năng giao tiếp nói và viết:</i> Thành thạo các kỹ năng giao tiếp nói và viết cần thiết cho hành	explain and assess the effects of the law, including an introduction to cost-benefit analysis and Regulatory Impact Assessment.	<u>The customs and practice</u> of international trade and <u>economic law</u>. Understanding of institutions in which the international trade regime is maintained and disputes are settled. Current global, regional and national legal instruments pertaining to international trade. <u>Research approaches and techniques</u> used in the	chung trong lĩnh vực luật kinh tế.
---	---	--	--	---	---

	chuyên môn nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	nghề pháp luật kinh doanh. <i>Kỹ năng nghiên cứu pháp luật và tin học:</i> Thành thạo các kỹ thuật tìm kiếm và sử dụng các nguồn thông tin đa dạng về pháp luật.		analysis of legal issues drawing on the main research traditions in law. Pervasive Issues including sustainability, global citizenship, diversity and employability	
Về kỹ năng: 4. Thực hành được kỹ năng viện dẫn văn bản pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật	Về kỹ năng: <i>Kỹ năng chuyên môn:</i> Người học biết, nắm vững và <u>vận dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản trong hoạt động xây</u>	Phẩm chất chuyên môn, chuyên nghiệp (Professional Attributes):	Students will learn to <u>analyze legal problems using an economic methodology.</u> This will enable them: (1) to use economic	B) Intellectual Skills Ability to <u>deal with complex and specialised legal norms</u> and to explore the <u>current</u>	Các chuẩn đầu ra về kỹ năng tương đối giống với chuẩn đầu ra của Trường ĐH Văn Lang và ĐH Kinh tế - Luật TPHCM,

để phục vụ cho nghề nghiệp và đời sống. 5. <u>Phân tích</u> được các tình huống pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh để <u>tư vấn pháp lý</u> cho các tổ chức, cá nhân. 6. Thực hiện được các kỹ năng soạn thảo hợp đồng; kỹ năng đàm phán, ký kết, xử lý các vấn đề tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện và thanh lý hợp đồng thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại.	<u>dụng pháp luật, áp dụng pháp luật, xét xử, tư vấn pháp luật</u> và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng; có phương pháp và kỹ năng <u>phân tích</u>, tranh luận, trình bày các ý kiến, lập luận pháp lý trong môi trường hành nghề pháp luật. Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm: Người học biết cách tương tác, phối hợp trong làm việc nhóm hoặc có khả năng làm việc độc lập khi thực hiện các hoạt động	<i>Kiến thức chuyên môn:</i> <u>Có kiến thức chuyên môn mạch lạc, sâu rộng về các lĩnh vực pháp luật</u> nội dung và luật tố tụng, đặc biệt là <u>luật công ty, luật hợp đồng, luật sở hữu trí tuệ và luật tài sản</u>. Có kiến thức tiếng Anh đủ tốt để đọc hiểu tài liệu bằng tiếng Anh, đáp ứng	insights in <u>solving real-life cases</u> in various fields of the law; (2) to assess proposals to change the law on their economic merits; (3) to explain why the law does not always reach its publicly stated purposes and/or may even produce adverse effects; (4) to <u>recognize trade-offs of the law</u> (particularly between different	<u>limits of legal knowledge</u> Ability to <u>critically analyse</u>, at the appropriate postgraduate level, rules of law and to apply them to complex and developing factual situations; Ability to analyse and synthesise abstract concepts and theories; Ability to create <u>responses to problems</u> that redefine existing knowledge	trong đó có các CĐR về kỹ năng tổng quát và kỹ năng nghề nghiệp.
---	---	--	---	--	---

	chuyên môn nghề nghiệp.	yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. <i>Học suốt đời:</i> Có năng lực liên tục <u>cập nhật thông tin và kỹ năng cần thiết trong quá trình hành nghề luật.</u> <i>Đạo đức:</i> Có năng lực trân trọng và khuyến khích tính trung thực, <u>chịu trách nhiệm và các chuẩn</u>	efficiency goals and between economic efficiency and potentially conflicting goals of justice); (5) to assess the need and possibilities for harmonization of laws, relying on the common economic basis of the laws of the EU member states and the economic benefits of centralized decision-making. Students will equally learn how to <u>write a scientific paper on a topic of</u>	and/or develop new approaches to particular problems; Ability to independently evaluate complex legal issues and to suggest alternatives Ability to present a structured argument at both abstract and concrete levels. Ability to conceptualise and integrate complex ideas and arguments from multiple sources and perspectives	
--	--------------------------------	---	---	--	--

		<u>mức đạo đức nghề nghiệp.</u>	<u>Economic Analysis of Law.</u>	(C) Subject/Professional/Practical Skills Ability to <u>plan and undertake effective research on complex and specialised legal issues;</u> Ability to use information and knowledge effectively; Ability to communicate effectively in both written and oral form; Ability to articulate ideas, <u>develop arguments and engage in</u>	
--	--	--	---	---	--

			<u>debates</u> <u>orally</u>, through presentations and group discussions and in written work; Ability to recognise and address ethical dilemmas and corporate social responsibility issues Ability to use relevant ICT effectively; Ability to work effectively as part of a team, to listen and respond to contributions in group	
--	--	--	--	--

				processes and to negotiate and persuade others.	
<i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i> 7. <u>Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật</u>, đấu tranh và tuyên truyền chống các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội nhằm <u>bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích cộng đồng</u> và lợi ích chính đáng của người khác. 8. Rèn luyện được khả năng <u>tự học, tự nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp</u>	Thái độ 1. Người học có thái độ nghiêm túc, đúng đắn về nghề nghiệp và luôn <u>tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp</u>; có trách nhiệm công dân, có ý thức tự giác tuân thủ pháp luật và chủ động tuyên truyền, vận động người khác tuân thủ pháp luật. 2. Người học có phẩm chất chính trị vững vàng, có thái độ	Phẩm chất cá nhân <i>(Personal Attributes):</i> <i>Quản lý công việc:</i> Có các năng lực quản lý công việc cá nhân và tập thể. <i>Hiểu biết về đa dạng văn hóa và môi trường làm việc toàn cầu:</i> Có hiểu biết về môi trường đa dạng	(1) Students will develop a <u>critical attitude towards the legal system</u> based upon economic knowledge. Since students enter the Master's Course from different backgrounds, they will learn to understand the basics of another discipline. This will enable them to engage in	(D) Transferable skills and other attributes Ability to <u>work autonomously with a self-awareness</u> of key research and analytical issues to be dealt with in any particular piece of work; Ability to <u>plan strategies for effective research and analysis</u>; Ability to think analytically	Các chuẩn đầu ra về thái độ tương đối giống với chuẩn đầu ra của Trường ĐH Văn Lang, ĐH Kinh tế - Luật TPHCM và các trường ĐH nước ngoài về kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

<u>của bản thân</u> trong lĩnh vực pháp luật.	sẵn sàng phục vụ nhân dân trong quá trình thực hiện các công việc chuyên môn nghề nghiệp. Người học có thái độ chủ động cập nhật kiến thức, <u>tư học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn</u>, có tinh thần phản biện, ý thức sáng tạo và tự tin trong công việc.	văn hóa và năng lực làm việc trong bối cảnh toàn cầu. <i>Phục vụ công bằng xã hội:</i> Hiểu biết và chấp nhận <u>tuân thủ các trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân</u> cũng như có năng lực yêu cầu thực hiện các <u>quyền căn bản của cá nhân và cộng đồng</u>.	interdisciplinary work in the future. (2) The teaching periods at three different universities will also enable students to <u>work in different cultural environments</u>, which will in turn promote the development of a pan-European culture.	and reflexively about complex material and to present arguments and information coherently and at a level consistent with postgraduate study: An awareness of ethical issues including sustainability issues. <u>Independent learning</u> and reflective practice required for effective performance in future work roles.	
---	--	--	--	--	--

				<u>Sensitivity to diversity</u> in people and ability to work with people in different situations Time management	
--	--	--	--	---	--

Kết luận: CĐR của CTĐT Thạc sĩ Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành về cơ bản giống với CĐR của các trường ĐH uy tín trong và ngoài nước với 3 nhóm CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Bên cạnh đó, CĐR ngành Luật Kinh tế trình độ ThS của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành được thiết kế phản ánh rõ định hướng đào tạo ứng dụng theo hướng phát triển năng lực và yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật kinh tế. Về mặt kiến thức, chương trình bảo đảm nền tảng lý luận vững chắc, đồng thời phát triển khả năng tư duy liên ngành và năng lực áp dụng vào thực tiễn. Về kỹ năng, các chuẩn đầu ra chú trọng đến năng lực phân tích, tổng hợp, vận dụng và sáng tạo trong giải quyết các vấn đề pháp lý, phù hợp với yêu cầu chuyên sâu ở bậc sau đại học. Đặc biệt, năng lực tự chủ và trách nhiệm được định hướng theo các giá trị đạo đức nghề nghiệp và tinh thần đổi mới sáng tạo, giúp học viên thích nghi với môi trường pháp lý trong nước và quốc tế. Thông qua các hoạt động kiến tập, thực tập của Khoa, HV tốt nghiệp có thể rèn luyện được các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai, gắn kết chặt chẽ giữa học thuật và thực tiễn, trở thành nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đây được xem là thế mạnh của CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ ThS.

III. NHỮNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM MÀ NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP CÓ THỂ ĐẢM NHIỆM

Học viên tốt nghiệp xong CTĐT Thạc sĩ Luật Kinh tế có đủ năng lực nghề nghiệp để đảm nhiệm công việc ở các vị trí:

- Cán bộ tại các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp từ trung ương xuống địa phương, các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp, ...
- Người hành nghề trong lĩnh vực pháp luật tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, các công ty, tập đoàn kinh tế, cơ quan thanh tra, hải quan, thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế... hoặc hành nghề độc lập, ...
- Chuyên viên pháp lý làm công tác tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về kinh tế cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân, ...
- Nghiên cứu viên làm công tác nghiên cứu pháp luật kinh tế tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và các cơ quan, tổ chức khác, ...
- Giảng viên/giáo viên giảng dạy các môn học, học phần liên quan đến pháp luật tại các cơ sở giáo dục đào tạo, ...

IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ VÀ NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Cơ hội học tập lên bậc cao hơn: học tiếp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Cơ hội nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn: ứng dụng kiến thức pháp luật kinh tế vào công việc của học viên.

V. CÁC VĂN BẢN VỀ CHUẨN ĐẦU RA ĐÃ THAM KHẢO

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

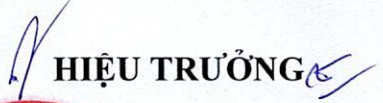
Căn cứ Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT, ngày 17/02/2025 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

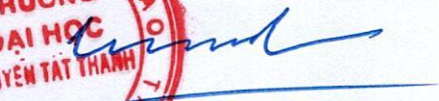
Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 318/QĐ-NTT, ngày 25/03/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy định về mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Quyết định số 761/QĐ-NTT ngày 01/11/2018 về việc ban hành quy định về đảm bảo chất lượng công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.


HIỆU TRƯỞNG


TS. TRẦN ÁI CẦM

TRƯỞNG KHOA

TS. ĐẶNG THỊ THU HUYỀN

